

PHỤ LỤC I
CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT; CÁC KHU ĐẤT GIAO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng)

STT	THÔNG TIN VỀ NHÀ, ĐẤT							Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng	Đơn vị giao quản lý, khai thác theo quy định của Luật Đất đai	Ghi chú
	Địa chỉ nhà đất	Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán					
					Giá trị quyền sử dụng đất (ĐVT: 1.000 đồng)	Nhà				
					Nguyên giá (ĐVT: 1.000 đồng)	Giá trị còn lại (ĐVT: 1.000 đồng)				
	TỔNG CỘNG	74	73.295,67	13.032,89	206.736.484,60	38.809.117,37	9.556.690,38			
	KHỐI XÃ, PHƯỜNG	74	73.295,67	13.032,89	206.736.484,60	38.809.117,37	9.556.690,38			
1	Ban đại diện Hội người cao tuổi huyện Quế Sơn và Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Quế Sơn; địa chỉ: xã Quế Sơn	1	90,00	32,00	25.000	193.440	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
2	Hội Đông y huyện Quế Sơn; địa chỉ: xã Quế Sơn	1	425,00	101,00	4.622.000	1.102.316	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
3	Hội Người mù huyện Quế Sơn; địa chỉ: xã Quế Sơn	1	464,00	300,00	3.758.400	2.430.000	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
4	Điểm Trường MG Đông Phú điểm Tam Hòa	1	382,50	74,00	196.988	66.604	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
5	Điểm trường TH Tam Hòa, điểm Tam Hòa1	1	1.960,00	210,00	1.999.200	350.000	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
6	Điểm trường MG Đông Phú, điểm Thuận An	1	593,00	226,00	569.280	66.604	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
7	Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn	1	391,00	110,00	206.550	649.000	151.217	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
8	Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn 3 cũ	1	400,00	35,00	142.000	145.215	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
9	Trường mẫu giáo cũ thôn Thăng Đông 2	1	300,00	48,00	1.152.000	50.000	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
10	Trường mẫu giáo Thăng Tây	1	684,50	45,00	1.971.360	247.000	57.551	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
11	Đất trường mẫu giáo cũ thôn Thăng Trà	1	100,00	30,00	37.500	50.000	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
12	Nhà quản lý Hồ An Long 1	1	176,00	80,00	36.000	34.585	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
13	Nhà quản lý Hồ An Long 2	1	104,00	41,44	21.000	34.585	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
14	Điểm trường TH Tam Hòa, điểm Tam Hòa 2	1	1.221,00	126,00	1.743.588	170.000	0	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	

STT	THÔNG TIN VỀ NHÀ, ĐẤT							Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng	Đơn vị giao quản lý, khai thác theo quy định của Luật Đất đai	Ghi chú
	Địa chỉ nhà đất	Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán					
					Giá trị quyền sử dụng đất (ĐVT: 1.000 đồng)	Nhà				
				Nguyên giá (ĐVT: 1.000 đồng)	Giá trị còn lại (ĐVT: 1.000 đồng)					
15	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Quế Sơn (cũ)	1	855,76	642,00	5.649.000	924.372	147.900	UBND xã Quế Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
16	Trường Mẫu giáo Thôn Hòa Mỹ Tây, Thôn Hòa Mỹ	1	565,00	75,00	423.750	60.000	0	UBND xã Xuân Phú	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
17	Trường Tiểu học Hòa Mỹ Đông, Thôn Hòa Mỹ	1	700,00	96,00	472.500	84.000	0	UBND xã Xuân Phú	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
18	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm dịch thực vật (của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bàn giao), Thôn Câu Lâu Tây	1	3.188,50	279,80	5.222.763	1.191.979	579.869	UBND xã Nam Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
19	Chi Cục thuế Duy Xuyên cũ (số 230 Điện Biên Phủ, TT Nam Phước), Thôn Long Xuyên	1	855,00	764,20	10.157.400	1.836.858	71.001	UBND xã Nam Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
20	Trụ sở làm việc của Đội thuế Duy Thành - Duy Vinh, Thôn Hà Mỹ, xã Nam Phước	1	118,80	57,60	65.627	87.013	0	UBND xã Nam Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
21	Trường THPT Nguyễn Khuyến (cũ), đường Quốc lộ 1A (cũ), Điện Phương, Điện Bàn	1	6.538,80	1.444,00	6.293.376	0	0	UBND phường Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
22	Trường Mầm non Vĩnh Điện (Mẫu giáo Hoa Phượng), Khối 3, Vĩnh Điện, Điện Bàn	1	1.228,00	0,00	46.672.147	4.005.230	192.342	UBND phường Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
23	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam (Cơ sở 2), Quốc lộ 1A (cũ), Điện Phương, Điện Bàn	1	9.536,00	1.475,00	10.609.920	0	0	UBND phường Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
24	Trạm Kiểm lâm thị xã Điện Bàn (cũ), 166 Trần Nhân Tông, Vĩnh Điện	1	340,00	231,90	30.038.400	1.612.762	231.322	UBND phường Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
25	Cơ sở 2: Trường MG Hoa Mai - điểm trường thôn Phú Gia 1, thôn Phú Gia 1, xã Quế Phước	1	477,00	70,00	50.000	480.000	250.000	UBND xã Quế Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	Giấy CNQSD đất 733939 cấp ngày 09/06/2017, số vào sổ 15539
26	Cơ sở 4: Trường MG Hoa Mai - điểm trường thôn Khánh Bình, thôn Khánh Bình, xã Quế Phước	1	495,00	210,00	49.500	708.000	6.329	UBND xã Quế Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	Giấy CNQSD đất 852476 cấp ngày 03/06/2011, số vào sổ 01867
27	Cơ sở 2: Trường MG Phương Hồng - điểm trường thôn Tứ Nhũ, thôn Tứ Nhũ, xã Quế Phước	1	244,00	101,00	9.660	900.000	159.880	UBND xã Quế Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	Giấy CNQSD đất 827976 cấp ngày 12/08/2016, số vào sổ 13104

STT	THÔNG TIN VỀ NHÀ, ĐẤT							Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng	Đơn vị giao quản lý, khai thác theo quy định của Luật Đất đai	Ghi chú
	Địa chỉ nhà đất	Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán					
					Giá trị quyền sử dụng đất (ĐVT: 1.000 đồng)	Nhà				
				Nguyên giá (ĐVT: 1.000 đồng)	Giá trị còn lại (ĐVT: 1.000 đồng)					
28	Cơ sở 7: Trường MG Phương Hồng - điểm trường thôn Xuân Hòa; địa chỉ: thôn Xuân Hòa, xã Quế Phước	1	314	58,00	25.120	250.000	0	UBND xã Quế Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
29	Trạm Bảo vệ Thực vật, Thôn Hòa Thạch, xã Hà Nha	1	866,00	228,56	1.508.430	211.428	0	UBND xã Hà Nha	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
30	Trạm Thú y, Thôn Phú Hương, xã Hà Nha	1	4.317,00	231,00	1.815.264	68.528	0	UBND xã Hà Nha	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
31	Trạm Kiểm lâm Lam Phụng (cũ), Thôn Lam Phụng, xã Hà Nha	1	1.286,00	60,00	295.744	92.397	0	UBND xã Hà Nha	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
32	Trụ sở làm việc cũ của Đội thuế liên xã vùng A, Thôn Tam Hoà, xã Hà Nha	1	163,60	84,00	516.600	180.097	0	UBND xã Hà Nha	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
33	Cơ sở 3 Trường TH Ngô Mây, thôn Long Thành, xã Tam Xuân, TP Đà Nẵng	1	4.022,20	270,84	3.217.760	796.483	176.214	UBND xã Tam Xuân	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
34	Trường Mẫu giáo Hoà My (Điểm trường lẻ), Thôn 6 xã Phước Năng	1	344,40	176,44	46.680	711.848	113.941	UBND xã Phước Năng	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
35	Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 9, xã Phước Năng	1	583,50	95,20	61.992	418.319	126.635	UBND xã Phước Năng	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
36	Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 2, xã Phước Năng	1	369,00	82,00	29.536	110.000	0	UBND xã Phước Năng	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
37	Trụ sở làm việc UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh (cũ)	1	5.008,00	390,00	10.017.200	2.311.156,00	832.016,16	UBND xã Chiên Đàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
38	Trụ sở HĐND - UBND, UBMTTQVN xã Tam Thái, huyện Phú Ninh (cũ)	1	3.000,00	219,00	16.650.000	605.742,00	169.607,76	UBND xã Chiên Đàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
39	Nhà Công vụ (nhà làm việc Cu Ba cũ), tại Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	1	1.102,73	600,00	25.693.601	331.365,70	0	Văn phòng HĐND&UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
40	Trung tâm CUDVSNC xã Đông Giang (Phòng giáo dục và Đào tạo huyện cũ), Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	1	681,00	828,00	2.941.920	2.131.034,00	635.704,14	Trung tâm CUDVSNC xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
41	UBND xã Đông Giang (Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện cũ), Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	1	205,98	167,87	514.950	232.317,00	108.352,65	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
42	UBND xã Đông Giang (Phòng VH, KH và TT huyện Đông Giang cũ), Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	1	643,00	360,10	1.607.500	1.478.700,00	91.080,00	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	

STT	THÔNG TIN VỀ NHÀ, ĐẤT							Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng	Đơn vị giao quản lý, khai thác theo quy định của Luật Đất đai	Ghi chú
	Địa chỉ nhà đất	Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Giá trị theo sổ sách kế toán					
					Giá trị quyền sử dụng đất (ĐVT: 1.000 đồng)	Nhà				
				Nguyên giá (ĐVT: 1.000 đồng)	Giá trị còn lại (ĐVT: 1.000 đồng)					
43	Trụ sở cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tà Lu cũ, Thôn Aréh Đhông, xã Đông Giang	1	4.191,40	398,10	1.194.549	3.562.936,00	2.161.041,00	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
44	Trụ sở UBMTTQVN và các hội đoàn thể xã xã Tà Lu cũ , Thôn Aréh Đhông, xã Đông Giang	1	544,00	133,00	155.040	414.162,00	0	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
45	Trụ sở UBMTTQVN và các hội đoàn thể xã Za Hung cũ	1	781,00	125,00	139.800	317.973,00	0	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
46	UBND xã Đông Giang (UBND xã Arooi cũ)	1	4.800,00	786,84	1.344.000	5.490.551,00	2.782.934,34	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
47	UBND xã Đông Giang (Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp huyện Đông Giang cũ)	1	5.128,00	284,00	5.640.800	400.000,00	16.000,00	UBND xã Đông Giang	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
48	Trường MG Hoa Phong Lan phân hiệu thôn Nhứt Đông	1	1450,00	396,00		990.000	495.753	UBND xã Việt An	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
49	Trường MG Sơn Ca phân hiệu thôn Phú Cốc Đông	1	441,00	56,00	423.360	49.073	0	UBND xã Việt An	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
50	Trường MG Sơn Ca phân hiệu thôn Hóa Trung	1	621,00	98,00	701.730	175.446	0	UBND xã Việt An	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
51	Trụ sở Đội Thuế Phước Hoà - Hoà Hương, Đường Ngô Chân Lưu, P.An Xuân (cũ)	1	71,40	72,00	985.320	44.398	0	UBND phường Tam Kỳ	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
52	Trụ sở các Hội xã hội phường Phước Hoà (cũ), Số 112 Phan Đình Phùng	1	154,40	260,50	2.593.920	1.050.000	489.720	UBND phường Tam Kỳ	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
53	Trụ sở làm việc phòng TNMT cũ	1	381,80	385,80	1.007.952	1.131.284	130.097,66	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
54	Trụ sở làm việc TTKT Nông nghiệp huyện, Thôn Tiên Bình, xã Tiên Phước	1	869,00	455,00	2.294.160	237.181	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
55	Trường Tiểu học Tiên Mỹ thôn 1 cũ, Thôn Tiên Phú Tây, xã Tiên Phước	1	1.190,00	56,00	Không XĐ	120.000	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
56	Trường Mẫu giáo Tiên Mỹ thôn 8 cũ, Thôn Trà Lai, xã Tiên Phước	1	400,00	70,00	Không XĐ	255.964	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
57	Điểm trường mầm non thôn Phái Nam, Thôn Bình An, xã Tiên Phước	1	787,00	48,00	2.266.560	44.916	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
58	Điểm trường mầm non thôn Phái Bắc, xã Tiên Phước	1	271,00	48,00	36.346,32	108.757	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
59	Điểm trường TH Tiên Thọ, Thôn 3, xã Tiên Phước	1	433,00	103,00	523.930	112.732	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	

STT	THÔNG TIN VỀ NHÀ, ĐẤT							Cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng	Đơn vị giao quản lý, khai thác theo quy định của Luật Đất đai	Ghi chú
	Địa chỉ nhà đất	Số lượng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà (m2)	Giá trị theo sổ sách kế toán					
					Giá trị quyền sử dụng đất (ĐVT: 1.000 đồng)	Nhà				
				Nguyên giá (ĐVT: 1.000 đồng)	Giá trị còn lại (ĐVT: 1.000 đồng)					
60	Điểm trường TH Tiên Thọ, thôn 1, xã Tiên Phước	1	622,50	72,00	1.232.500	56.366	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
61	Điểm trường Mẫu giáo Thôn 3, xã Tiên Phước	1	726,50	69,00	2.315.940	40.000	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
62	Điểm trường TH Tiên Thọ Thôn 5, xã Tiên Phước	1	1.173,00		258.060	56.366	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
63	Điểm trường TH Tiên Thọ Thôn 4 xã Tiên Phước	1	1.239,00	120,00	272.580	56.366	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
64	Điểm trường MG Thôn 2 xã Tiên Phước	1	304,00	62,00	836.000	45.367	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
65	Trường TH Trần Ngọc Sương (thôn 9 cũ), Thôn 7 xã Tiên Phước	1	1.040,00	48,00	228.800	45.367	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
66	Trường TH Trần Ngọc Sương Thôn 3, xã Tiên Phước	1	433,00	64,00	2.241.700	56.366	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
67	Phòng học thôn 2 cũ TH Tiên Phong, Thôn Phường Thuộc, xã Tiên Phước	1	388,40		85.448	0	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
68	Điểm trường lê MN Hướng Dương (thôn 2), Thôn Phường Thuộc, xã Tiên Phước	1	487,80	60,00	375.606	80.000	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
69	Điểm trường lê MN Hướng Dương (thôn 4), Thôn Tài Đa, xã Tiên Phước	1	361,50	260,00	469.950	390.000	51.831	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
70	Điểm trường thôn An Tây 2, Thôn An Tây, xã Tiên Phước	1	2.805,50	244,00	3.703.260	160.000	0	UBND xã Tiên Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
71	Điểm trường thôn 1 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	1	1.294,00	132,00	905.800	553.694,44	73.585,983	UBND xã Thạnh Bình	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
72	Điểm trường thôn 4 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	1	1.000,00	192,00	500.000	200.000	0	UBND xã Thạnh Bình	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
73	Điểm trường thôn 3 Tiểu học Tiên Lộc (2 phòng học)	1	1.645,00	316,50	822.500	550.663	73.183,101	UBND xã Thạnh Bình	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	
74	Điểm trường thôn 5 Trường Tiểu học Tiên Lộc (1 phòng học)	1	648,00	64,00	291.600	333.704	44.349,259	UBND xã Thạnh Bình	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	